TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh
2. Bà Trương Kim Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2024 giữa:

- **Nguyên đơn**: chị **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1994 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang
- **Bị đơn**: anh **Lý Tấn H1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 24/6/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày**: Năm 2011 chị H và anh Lý Tấn H1 đi làm trên Đồng Nai, hai người quen biết và tìm hiểu nhau được một năm thì anh chị có tình cảm với nhau và anh chị tự nguyện kết hôn với nhau. Anh chị có tổ chức đám cưới năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 28/3/2012. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp, anh H1 hay ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình đánh chị nhiều lần, mỗi lần anh H1 đánh chị đều cầm dao hâm dọa giết chị

nên chị H rất sợ và chị đã bỏ đi làm sống ly thân với anh H1 từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị H và anh H1 không gặp nhau và cũng ít liên lạc với nhau, chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn và cũng không thể hàn gắn hôn nhân được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung chị H khai trong quá trình sống chung với anh H1 có hai người con chung tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014. Hai con sống với anh H1 từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho chị được được ly hôn với anh Lý Tấn H1. Về con chung chị H đồng ý giao hai người con chung tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lý Tấn H1 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh H1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Lý Tấn H1. Về con chung: Giao hai người con chung tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu ly hôn với anh Lý Tấn H1 nên quan hệ pháp luật được xác định là "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lý Tấn H1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích H và anh Lý Tấn H1 tự quen biết và tìm hiểu nhau được một năm thì anh chị có tình cảm với nhau và anh chị tự nguyện kết hôn với nhau. Anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang số 38/2012 ngày 28/3/2012 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H được ly hôn với anh H1 vì lý do hai người không hợp, anh H1 ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình đánh chị nhiều lần, mỗi lần anh H1 đánh chị đều cầm dao hâm dọa giết chị nên chị H rất sợ và chị đã bỏ đi làm sống ly thân với anh H1 từ năm 2020 đến nay. Đối với anh H1, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh H1 đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị H khai rõ trong thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay, chị và anh H1 không có gặp nhau và cũng không có liên lạc với nhau, nay chị xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì chị sống với anh H1 lúc nào cũng lo lắng sợ bị anh H1 đánh; hơn nữa chị cũng không còn tình cảm với anh H1 nên chị chỉ mong muốn được ly hôn với anh H1. HĐXX thấy rằng, trong thời gian anh chị sống chung với nhau đã không hòa hợp về suy nghĩ, về lối sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, quan trọng hơn là anh chị cũng nhường nhịn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc mà để phát sinh nhiều vấn đề bất đồng dẫn đến mẫu thuẫn kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H khai vợ chồng chị có hai người con chung tên tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014; chị H đồng ý giao hai người con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh H1 ly thân đến nay thì anh H1 là người đang trực tiếp nuôi hai con và hai con chung Bích T và Tấn T1 đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha nên Hội đồng xét xử giao hai người con chung tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của hai con.

[4] Về cấp dưỡng: chị H không cấp dưỡng nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 đều vắng mặt và anh H1 cũng không có gửi bản ý kiến liên quan đến yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với bị đơn là anh Lý Tấn H1 Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh H1 thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh H1 theo quy định nhưng anh H1 vẫn không có mặt không có lý do và anh H1 cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bằng 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp do chị có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân*:* chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với anh Lý Tấn H1.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Lý Thị Bích T, sinh ngày 28/01/2012 và Lý Tấn T1, sinh ngày 29/4/2014 cho anh Lý Tấn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*:* Miễn xét.

4. Về án phí HNST*:* Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006044 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho chị H được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 31/10/2024. Báo cho anh H1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THỘM PH□N-CH□ T□A PHI□N T□A

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-Các đ- ơng sự;
-L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh